



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2021)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/04/2021)

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2021)
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/04/2021)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Đàm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2021)
Bà Võ Thị Khánh Hòa	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2022)
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Văn Đàm, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đàm

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Số: 42/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2022 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã thuyết minh ở mục 3.6 Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2021 Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản cố định nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao đã làm chi phí khấu hao năm 2021 giảm đi 24.521.201.247 VND nếu áp dụng thời gian khấu hao như năm 2020. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 003/2021/BCTC-FACNT ngày 02/03/2021.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Nguyễn Thanh Lam
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4231-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.202.137.956	169.505.129.267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.946.077.234	22.248.371.303
1. Tiền	111		1.217.195.045	638.249.457
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.728.882.189	21.610.121.846
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.000.000.000	64.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	56.000.000.000	64.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.911.760.187	37.983.661.094
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	41.277.999.159	35.061.620.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.628.406.400	1.590.856.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.158.954.628	1.484.783.990
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(153.600.000)	(153.600.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	32.929.967.850	43.848.994.453
1. Hàng tồn kho	141		32.929.967.850	43.848.994.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.414.332.685	1.424.102.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	418.805.135	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		995.527.550	1.424.102.417
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.904.627.087	368.704.325.940
II. Tài sản cố định	220		306.922.110.690	324.362.878.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	294.405.258.404	310.355.246.000
Nguyên giá	222		1.084.775.743.659	1.025.354.344.983
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(790.370.485.255)	(714.999.098.983)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	12.516.852.286	14.007.632.950
Nguyên giá	228		28.572.359.400	28.572.359.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.055.507.114)	(14.564.726.450)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.208.182.617	19.971.447.913
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	36.208.182.617	19.971.447.913
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	24.000.000.000	23.727.804.251
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(272.195.749)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		774.333.780	642.194.826
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	774.333.780	642.194.826
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		517.106.765.043	538.209.455.207

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		195.784.170.715	211.942.231.464
I. Nợ ngắn hạn	310		92.942.612.036	94.995.219.229
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	30.578.929.913	23.314.080.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	2.051.752.000	16.798.814.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	6.936.357.876	8.668.294.950
4. Phải trả người lao động	314		15.694.746.074	10.167.511.474
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.831.714.810	1.023.881.364
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	5.518.258.181	4.212.179.027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	27.561.486.000	27.198.163.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.769.367.182	3.612.294.182
II. Nợ dài hạn	330		102.841.558.679	116.947.012.235
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	15.063.675.308	19.554.947.308
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	87.163.089.433	95.631.572.433
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		614.793.938	1.760.492.494
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		321.322.594.328	326.267.223.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	321.322.594.328	326.267.223.743
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.000.000.000	260.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.771.460.050	23.179.047.213
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.698.258.343	42.235.300.595
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	4.657.967.758
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.698.258.343	37.577.332.837
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		517.106.765.043	538.209.455.207



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	309.672.703.109	352.347.466.237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	12.479.091	79.350.245
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		309.660.224.018	352.268.115.992
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	264.765.641.205	306.097.994.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.894.582.813	46.170.121.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	3.156.171.509	4.493.605.323
7. Chi phí tài chính	22	5.5	2.621.029.624	1.222.201.555
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.893.225.373	2.699.401.555
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	600.000.000	622.838.176
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	7.804.211.528	9.066.663.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.025.513.170	39.752.024.052
11. Thu nhập khác	31	5.8	3.557.249.383	7.681.822.022
12. Chi phí khác	32	5.9	3.627.655.970	4.860.491.434
13. Lợi nhuận khác	40		(70.406.587)	2.821.330.588
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.955.106.583	42.573.354.640
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	4.256.848.240	4.996.021.803
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.698.258.343	37.577.332.837
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	1.258	1.177
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	1.258	1.177



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.955.106.583	42.573.354.640
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		80.183.626.098	127.658.274.199
Các khoản dự phòng	03		(272.195.749)	(1.477.200.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.156.171.509)	(4.493.605.323)
Chi phí lãi vay	06		2.893.225.373	2.699.401.555
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	1.122.587.882
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		116.603.590.796	168.082.812.953
3. Trước những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.462.951.071)	14.651.977.457
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.919.026.603	(350.998.676)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.009.428.558)	(32.179.183.658)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(550.944.089)	1.914.862.157
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.708.888.006)	(4.515.064.188)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.500.000.000)	(4.522.035.675)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		9.585.000	23.350.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.837.432.000)	(6.120.501.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.462.558.675	136.985.219.274
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.125.291.098)	(74.660.926.080)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(58.000.000.000)	(63.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		66.000.000.000	47.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.119.598.354	4.368.851.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69.005.692.744)	(86.292.074.186)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	610.460.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	17.785.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(25.890.160.000)	(28.318.637.128)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(30.654.000.000)	(24.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.759.160.000)	(52.408.177.128)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		(8.302.294.069)	(1.715.032.040)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.248.371.303	23.963.403.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		13.946.077.234	22.248.371.303



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa, được thành lập từ chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp nước Khánh Hòa theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND Tỉnh Khánh Hòa. UBND Tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 03/09/2013 và Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 23 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 09 năm 2018.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KHW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 260.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 325 (31 tháng 12 năm 2020 là: 321).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án công trình cấp thoát nước, tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp - thoát nước. Giám sát công

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm; Kiểm định đồng hồ điện tử; Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 Công ty đã thực hiện giảm giá nước sinh hoạt cho người dân trong hai tháng (tháng 07/2021 đến tháng 09/2021) theo Quyết định số 7614/UBND-KT ngày 10/08/2021 với tổng số tiền ước tính là 2.296.772.222 VND. Sau đó Công ty tiếp tục hỗ trợ người dân bằng cách giảm giá nước tháng 09/2021 theo Quyết định số 10096/UBND-KT ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa bằng cách chỉ tính giá nước sinh hoạt mức 1 và mức 2 (không tính mức 3 và mức 4) với số tiền ước tính đã giảm 2.310.564.280 VND.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	30%	30%	30%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy nước Xuân Phong Nhà máy nước Võ Cạnh	Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang Gò Đình, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa - Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2021

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm 2021, Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản cố định nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao đã làm chi phí khấu hao năm 2021 giảm đi 24.521.201.247 VND nếu áp dụng thời gian khấu hao như năm 2020.

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 58 Đường Yersin, Phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 389613 ngày 24/08/2009 thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 11, thời hạn sử dụng đất đến ngày 16/01/2039 và tại Thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 898789 ngày 25/07/2013 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 23, thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/09/2049. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Năm 2021

- Phần mềm máy tính 03 năm

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 18 tháng đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của công ty là chi phí lãi vay, được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước: 10%;
- Các dịch vụ khác: 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước: 5%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	8.304.649	383.412
Tiền gửi ngân hàng	1.208.890.396	637.866.045
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	12.728.882.189	21.610.121.846
Cộng	13.946.077.234	22.248.371.303

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	56.000.000.000	56.000.000.000	64.000.000.000	64.000.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000	64.000.000.000	64.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	24.000.000.000		-	24.000.000.000		(272.195.749)
Cộng	<u>24.000.000.000</u>		<u>-</u>	<u>24.000.000.000</u>		<u>(272.195.749)</u>

Năm 2021**Năm 2020**

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu

Hoạt động kinh doanh có lãi

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Mục 8.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu hoạt động cung cấp nước	29.733.335.831	31.188.336.704
Ban Quản Lý Dịch vụ Công ích Thành phố Nha Trang	5.561.121.000	3.817.332.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh Hòa	5.291.906.328	-
Các khách hàng khác	691.636.000	55.952.000
Cộng	41.277.999.159	35.061.620.704

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH TK Cộng	1.295.806.400	1.295.806.400
Công ty TNHH E.T.N.T	1.068.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	264.600.000	295.050.000
Cộng	2.628.406.400	1.590.856.400

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế TNCN phải thu CBCNV	-	-	28.083.475	-
Lãi dự thu	910.917.128	-	874.343.973	-
Ký cược, ký quỹ	181.037.500	-	543.124.724	-
Tạm ứng	57.000.000	-	-	-
Phải thu khác	10.000.000	-	39.231.818	-
Cộng	1.158.954.628	-	1.484.783.990	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	153.600.000	-	153.600.000	-
Cộng	153.600.000	-	153.600.000	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần 504	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần CATSOFT	53.600.000	-	Trên 3 năm	53.600.000	-	Trên 3 năm
Cộng	153.600.000	-		153.600.000	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.450.182.251	-	28.727.043.751	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.479.785.599	-	15.121.950.702	-
Cộng	32.929.967.850	-	43.848.994.453	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	696.524.629	16.967.862.733
Tuyến ống DN900 Cầu Dừa - Mã Vòng	31.724.019.729	964.619.819
Cải tạo thay mới tuyến ống DN300,100,50 - Quốc lộ 1C (đường 23/10) - Phương Sơn (từ Cầu Chợ Mới -> đường sắt)	650.842.725	-
Các công trình tuyến ống cấp nước khác	3.136.795.534	2.038.965.361
Cộng	36.208.182.617	19.971.447.913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tài, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	89.846.971.144	250.739.652.977	682.219.692.630	2.548.028.232	1.025.354.344.983
Mua trong năm	954.079.091	408.870.000	-	-	1.362.949.091
XDCB hoàn thành	-	27.886.983.488	34.638.623.815	-	62.525.607.303
Thanh lý, nhượng bán	(221.667.000)	(646.650.909)	-	-	(868.317.909)
Giảm khác	-	(220.523.000)	(3.378.316.809)	-	(3.598.839.809)
Tại ngày 31/12/2021	90.579.383.235	278.168.332.556	713.479.999.636	2.548.028.232	1.084.775.743.659
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	58.599.024.167	202.420.692.830	452.525.027.029	1.454.354.957	714.999.098.983
Khấu hao trong năm	3.581.175.442	17.920.107.246	58.014.555.602	322.705.700	79.838.543.990
Thanh lý, nhượng bán	(221.667.000)	(646.650.909)	-	-	(868.317.909)
Giảm khác	-	(220.523.000)	(3.378.316.809)	-	(3.598.839.809)
Tại ngày 31/12/2021	61.958.532.609	219.473.626.167	507.161.265.822	1.777.060.657	790.370.485.255
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	31.247.946.977	48.318.960.147	229.694.665.601	1.093.673.275	310.355.246.000
Tại ngày 31/12/2021	28.620.850.626	58.694.706.389	206.318.733.814	770.967.575	294.405.258.404

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 của TSCĐ hữu hình là 20.160.596.541 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 375.690.080.285 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	24.636.685.000	3.935.674.400	28.572.359.400
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	24.636.685.000	3.935.674.400	28.572.359.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	10.949.710.885	3.615.015.565	14.564.726.450
Khấu hao trong năm	1.208.135.715	282.644.949	1.490.780.664
Tại ngày 31/12/2021	12.157.846.600	3.897.660.514	16.055.507.114
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	13.686.974.115	320.658.835	14.007.632.950
Tại ngày 31/12/2021	12.478.838.400	38.013.886	12.516.852.286

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 của TSCĐ vô hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.014.674.400 VND.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	418.805.135	-
Cộng	418.805.135	-
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	418.102.859	642.194.826
Chi phí sửa chữa, chi phí khác	356.230.921	-
Cộng	774.333.780	642.194.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	218.869.138	218.869.138	5.593.156.000	5.593.156.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	954.116.162	954.116.162	2.262.143.400	2.262.143.400
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	893.200.000	893.200.000	5.366.812.000	5.366.812.000
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	1.485.000	1.485.000	2.463.595.860	2.463.595.860
Công ty TNHH Dững Lợi	6.299.363.001	6.299.363.001	2.488.081.000	2.488.081.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	2.904.720.000	2.904.720.000	3.003.000.000	3.003.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng	6.072.306.145	6.072.306.145	-	-
Công ty Cổ phần Bạch đặng 4	10.560.926.467	10.560.926.467	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.673.944.000	2.673.944.000	2.137.292.300	2.137.292.300
Cộng	30.578.929.913	30.578.929.913	23.314.080.560	23.314.080.560
Trong đó, Phải trả người bán với bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.904.720.000	2.904.720.000	3.003.000.000	3.003.000.000

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	-	16.114.367.672
BQL dự án các công trình xây dựng Diên Khánh	652.244.000	-
Ban quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	252.042.000	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa	661.055.000	-
Công ty CP khách sạn Bến du thuyền	319.767.000	-
Các khách hàng khác	166.644.000	684.447.000
Cộng	2.051.752.000	16.798.814.672

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp /khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	524.751.796	25.237.568.143	25.253.178.309	-	540.361.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	123.224.822	4.256.848.240	5.500.000.000	-	1.366.376.582
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.123.800	1.216.330.082	1.475.731.757	-	261.525.475
Thuế tài nguyên	-	132.243.200	1.648.991.640	1.658.988.600	-	142.240.160
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	29.796.603	29.796.603	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản nộp khác	-	6.154.014.258	76.588.594.775	76.792.371.288	-	6.357.790.771
Cộng	-	6.936.357.876	108.981.129.483	110.713.066.557	-	8.668.294.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	390.002.000	346.008.780
Chi phí lãi vay phải trả	97.156.588	136.019.221
Chi phí khác	1.344.556.222	541.853.363
Cộng	1.831.714.810	1.023.881.364

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	127.741.994	250.652.851
Cổ tức phải trả	3.967.758	-
Nhận ký quỹ ký cược	3.547.037.112	3.342.037.112
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	1.352.736.000	-
Phải trả khác	486.775.317	619.489.064
Cộng	5.518.258.181	4.212.179.027
Dài hạn		
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	10.621.675.308	13.327.147.308
Lãi vay được ân hạn (*)	4.442.000.000	6.218.800.000
Các khoản khác	-	9.000.000
Cộng	15.063.675.308	19.554.947.308
Trong đó, Phải trả khác với bên liên quan - Xem thêm mục 8	11.974.411.308	13.327.147.308

(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn liên quan đến khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khánh Hòa căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng một lần với số tiền 888.400.000 VND, kỳ trả lãi cuối cùng là tháng 06/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ vay dài hạn đến hạn trả:						
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận (Nguồn vốn ODA) (1)	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (2)	11.638.000.000	11.638.000.000	11.421.997.000	8.664.000.000	8.880.003.000	8.880.003.000
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa (3)	6.897.326.000	6.897.326.000	5.805.326.000	8.200.000.000	9.292.000.000	9.292.000.000
Cộng	27.561.486.000	27.561.486.000	26.253.483.000	25.890.160.000	27.198.163.000	27.198.163.000
Vay dài hạn:						
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận (Nguồn vốn ODA) (1)	13.539.240.978	13.539.240.978	-	9.026.160.000	22.565.400.978	22.565.400.978
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (2)	43.137.225.000	43.137.225.000	17.785.000.000	11.421.997.000	36.774.222.000	36.774.222.000
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa (3)	30.486.623.455	30.486.623.455	-	5.805.326.000	36.291.949.455	36.291.949.455
Cộng	87.163.089.433	87.163.089.433	17.785.000.000	26.253.483.000	95.631.572.433	95.631.572.433
Tổng cộng	114.724.575.433	114.724.575.433	44.038.483.000	52.143.643.000	122.829.735.433	122.829.735.433

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(1) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khánh Hòa theo Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA với số tiền vay 135.392.400.978 VND; Thời hạn trả nợ vay là 20 năm bắt đầu từ ngày 01/12/2004, mỗi năm 2 kỳ vào các ngày 01/06 và 01/12, chia thành 40 bán niên; Lãi suất cho vay: 5%/năm (đã bao gồm phí quản lý cho vay là 0,2%/năm). Mục đích vay: Đầu tư dự án "Cấp nước và vệ sinh thành phố Nha Trang". Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 22.565.400.978 VND và lãi vay được ân hạn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 4.442.000.000 VND.

(2) Vay dài hạn Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD – ĐTPT ngày 21/11/2016 với hạn mức 24.370.000.000 VND; thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 96 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 8.352.225.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD - ĐTPT ngày 27/12/2017 với hạn mức 41.150.000.000 VND; thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cảnh đến Cầu Dứa - Nha Trang. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 23.179.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/HĐTD - ĐTPT ngày 22/05/2019 với hạn mức 11.700.000.000 VND; thời hạn vay là 141 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 139 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 6.443.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 17/2020/HĐTD - ĐTPT ngày 09/12/2020 với hạn mức 43.290.000.000 VND; thời hạn vay là 136 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 132 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: "Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn từ Mã vòng đến Cầu Dứa - Nha Trang". Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 16.801.000.000 VND.

(3) Vay dài hạn Ngân sách tỉnh Khánh Hòa với số tiền 73.167.899.183 VND để đầu tư dự án "Mở rộng, nâng cấp công suất Nhà máy nước Võ Cảnh", lãi suất cho vay là 0%/năm. Thời hạn trả nợ là 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2021 là 37.383.949.455 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	260.000.000.000	852.875.935	(610.460.000)	14.135.227.000	44.757.756.971	319.135.399.906
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	37.577.332.837	37.577.332.837
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.043.820.213	(9.043.820.213)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.355.969.000)	(6.355.969.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.700.000.000)	(24.700.000.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	-	610.460.000	-	-	610.460.000
Số dư tại ngày 01/01/2021	260.000.000.000	852.875.935	-	23.179.047.213	42.235.300.595	326.267.223.743
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	32.698.258.343	32.698.258.343
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	4.592.412.837	(4.592.412.837)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(6.984.920.000)	(6.984.920.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(30.657.967.758)	(30.657.967.758)
Số dư tại ngày 31/12/2021	260.000.000.000	852.875.935	-	27.771.460.050	32.698.258.343	321.322.594.328

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 11/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	132.600.000.000	132.600.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	114.096.000.000	114.096.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	13.304.000.000	13.304.000.000
Cộng	260.000.000.000	260.000.000.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	260.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	260.000.000.000	260.000.000.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	32.698.258.343	37.577.332.837
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(6.984.920.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.698.258.343	30.592.412.837
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	26.000.000	25.991.342
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.258	1.177

4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	32.698.258.343	37.577.332.837
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.984.920.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.698.258.343	30.592.412.837
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	26.000.000	25.991.342
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.000.000	25.991.342
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.258	1.177

Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 đã điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo số thực tế.

Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 là toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay.

4.18.7. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 16/04/2021 của Hội đồng quản trị trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 16/04/2021, Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ chi trả là 10% và cổ tức bổ sung năm 2018 với tỷ lệ chi trả 1,79%. Tổng cộng cổ tức chi trả là: 11,79%/cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 1179 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10/06/2021. Ngày chi trả cổ tức là ngày 30/06/2021.

4.18.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	23.179.047.213
Trích trong năm	4.592.412.837
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	27.771.460.050

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu sản xuất, cung cấp nước sạch	270.753.217.115	330.417.384.005
Doanh thu hoạt động xây lắp	37.281.779.044	21.163.530.148
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	476.306.385	475.028.542
Doanh thu hoạt động khác	1.161.400.565	291.523.542
Cộng	309.672.703.109	352.347.466.237

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hàng bán bị trả lại	12.479.091	79.350.245
Cộng	12.479.091	79.350.245

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	229.444.768.003	285.942.537.636
Giá vốn hoạt động xây lắp	34.066.348.388	19.819.439.391
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	197.708.559	268.684.640
Giá vốn hoạt động khác	1.056.816.255	67.332.628
Cộng	264.765.641.205	306.097.994.295

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	3.156.171.509	4.493.605.323
Cộng	3.156.171.509	4.493.605.323

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	2.893.225.373	2.699.401.555
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(272.195.749)	(1.477.200.000)
Cộng	2.621.029.624	1.222.201.555

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.000.000	622.838.176
Cộng	600.000.000	622.838.176

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.317.179.205	3.646.485.916
Chi phí đồ dùng văn phòng	238.827.275	690.677.457
Chi phí khấu hao TSCĐ	263.963.118	580.513.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.567.426.925	2.298.725.815
Chi phí bằng tiền khác	1.416.815.005	1.850.260.550
Cộng	7.804.211.528	9.066.663.237

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu phí thoát nước, phí BVMT	3.398.455.694	4.708.837.988
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ không sử dụng	-	2.910.735.298
Thu nhập khác	158.793.689	62.248.736
Cộng	3.557.249.383	7.681.822.022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí hỗ trợ thu phí BVMT	3.394.434.492	4.704.686.990
Thuế truy thu, phạt chậm nộp	174.521.570	151.067.394
Chi phí khác	58.699.908	4.737.050
Cộng	3.627.655.970	4.860.491.434

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.154.258.803	107.746.083.518
Chi phí nhân công	74.355.826.803	66.281.697.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.183.626.098	127.658.274.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.102.524.257	8.483.085.229
Chi phí khác bằng tiền	13.731.451.669	6.500.911.380
Cộng	263.527.687.630	316.670.051.959

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.955.106.583	42.573.354.640
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	531.194.770	516.693.583
Điều chỉnh tăng	531.194.770	516.693.583
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	531.194.770	516.693.583
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	37.486.301.353	43.090.048.223
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 20%	5.082.181.050	3.020.693.062
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 10%	32.404.120.303	40.069.355.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.256.848.240	4.611.074.129
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 20%	1.016.436.210	604.138.612
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 10%	3.240.412.030	4.006.935.516
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.256.848.240	4.996.021.803
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	4.256.848.240	4.611.074.129
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	384.947.675

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay	17.785.000.000	-
Cộng	17.785.000.000	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay	25.890.160.000	28.318.637.128
Cộng	25.890.160.000	28.318.637.128

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, cung cấp nước;
- Hoạt động xây lắp;
- Hoạt động khảo sát, thiết kế;
- Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Sản xuất, cung cấp nước		Xây lắp		Khảo sát, thiết kế		Khác		Tổng cộng	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu thuần										
Từ khách hàng	270.753.217.115	330.338.033.760	37.269.299.953	21.163.530.148	476.306.385	475.028.542	1.161.400.565	291.523.542	309.660.224.018	352.268.115.992
Cộng	270.753.217.115	330.338.033.760	37.269.299.953	21.163.530.148	476.306.385	475.028.542	1.161.400.565	291.523.542	309.660.224.018	352.268.115.992
Chi phí kinh doanh										
Giá vốn hàng bán	229.444.768.003	285.942.537.636	34.066.348.388	19.819.439.391	197.708.559	268.684.640	1.056.816.255	67.332.628	264.765.641.205	306.097.994.295
Chi phí bán hàng	524.613.488	584.064.038	72.213.278	37.418.812	922.895	839.888	2.250.339	515.437	600.000.000	622.838.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.823.657.720	8.502.227.623	939.279.500	544.706.126	12.004.111	12.226.266	29.270.197	7.503.222	7.804.211.528	9.066.663.237
Cộng	236.793.039.211	295.028.829.297	35.077.841.166	20.401.564.329	210.635.565	281.750.795	1.088.336.790	75.351.287	273.169.852.733	315.787.495.708
Kết quả HĐKD	33.960.177.904	35.309.204.463	2.191.458.787	761.965.819	265.670.820	193.277.747	73.063.775	216.172.255	36.490.371.285	36.480.620.284
Doanh thu HĐTC									3.156.171.509	4.493.605.323
Chi phí tài chính									2.621.029.624	1.222.201.555
Thu nhập thuần khác									(70.406.587)	2.821.330.588
Lợi nhuận trước thuế TNDN									36.955.106.583	42.573.354.640
Chi phí thuế TNDN hiện hành									4.256.848.240	4.996.021.803
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									-	-
Lợi nhuận sau thuế									32.698.258.343	37.577.332.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Công ty TNHH Nước sạch REE | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu | Công ty liên kết |
| 4. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	2.904.720.000	3.003.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.12	2.904.720.000	3.003.000.000

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả khác:		
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	11.974.411.308	13.327.147.308
Cộng - Xem thêm mục 4.16	11.974.411.308	13.327.147.308

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu		
Mua hàng hóa và dịch vụ	34.538.400.000	35.708.861.160
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Chia cổ tức	15.633.540.000	12.597.000.000
Thanh toán tiền liên quan đến nhận bàn giao tài sản	1.352.736.000	1.352.736.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH Nước sạch REE		
Chia cổ tức	13.451.918.400	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Vũ Văn Bình	730.788.000	902.166.500
Ông Nguyễn Văn Đàm	900.983.000	1.230.433.000
Ông Nguyễn Văn Quân	708.129.000	895.019.000
Ông Lục Chánh Trường (Công ty TNHH Nước sạch REE)	20.400.000	81.600.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn (Công ty TNHH Nước sạch REE)	70.080.000	81.600.000
Ông Trương Khắc Hoàn (Công ty TNHH Nước sạch REE)	49.680.000	-
Ông Nguyễn Hồng Sơn	647.402.000	800.884.000
Ông Phạm Cao Minh Dũng	581.513.000	922.464.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Hoàng Long	515.260.000	655.246.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Ninh	297.940.000	391.086.000
Ông Lê Văn Diễn (Công ty TNHH Nước sạch REE)	15.000.000	60.000.000
Ông Quách Vĩnh Bình (Công ty TNHH Nước sạch REE)	36.660.000	-

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Văn Quân
Kê toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

